

Việt Nam bước vào chu kỳ tăng trưởng mới: Thông điệp chiến lược từ Đại hội Đảng lần thứ 14

Phạm Vũ Thăng Long
Giám Đốc Cấp Cao, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

Nguyễn Bảo Châu
Chuyên viên, Ngành Kinh Tế Vĩ Mô
chau.nbao@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4876

Lê Trần Thu Hằng
Chuyên viên, Ngành Kinh Tế Vĩ Mô
hang.lthtu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4870

- Đại hội Đảng khóa 14 đã thành công bầu ra 200 ủy viên (Ban Chấp hành Trung ương khóa 14), trong đó có 19 Ủy viên Bộ Chính trị, phần lớn đến từ hàng ngũ Đảng. Đáng chú ý, việc tái đắc cử của Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định sự ổn định và tính liên tục trong đường lối lãnh đạo.
- Để hoàn thành mục tiêu tăng trưởng tối thiểu 10% (giai đoạn 2026-2030), các văn kiện của Đại hội đóng vai trò chỉ đạo hành động, cho thấy động lực tăng trưởng chuyển dịch sang năng suất & đổi mới sáng tạo, đồng thời nhấn mạnh hơn vào cải cách thể chế, chuyển đổi số & quản trị so với Đại hội khóa 13.
- Kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa 16 dự kiến bắt đầu vào ngày 6/4/2026, trong đó giai đoạn một kéo dài từ ngày 6-22/4/2026 và giai đoạn hai kéo dài từ ngày 11-21/5/2026, trong đó HSC sẽ theo dõi chặt chẽ việc bổ nhiệm các vị trí nhân sự chủ chốt, bao gồm Chủ tịch nước và Thủ tướng.

Một kỷ nguyên tăng trưởng mới dựa trên năng suất và đổi mới sáng tạo

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 14 được tổ chức từ ngày 19-23/1/2026 với phương châm "Đoàn kết – Dân chủ – Kỷ cương – Đổi mới – Phát triển". Đại hội đã bầu ra 200 ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa 14 (180 ủy viên chính thức và 20 ủy viên dự khuyết). Trong đó, 19 ủy viên Bộ Chính trị được bầu phần lớn đến từ hàng ngũ Đảng, trong đó nhân sự xuất thân từ lực lượng cảnh sát/công an nhiều hơn số nhân sự xuất thân từ quân đội (4 so với 3). Ngược lại, số ghế của lực lượng quân đội trong Ban Chấp hành Trung ương khóa 14 (26 đại biểu) vẫn nhiều hơn số ghế của lực lượng cảnh sát/công an (7). Tổng Bí thư Tô Lâm tái đắc cử, cho thấy sự ổn định chính trị và tính liên tục của thể chế.

Các văn kiện của Đại hội chuyển đổi tầm nhìn chiến lược sang chương trình hành động cụ thể, đặt ra các mục tiêu chính (tăng trưởng $\geq 10\%$ giai đoạn 2026-2030, GDP/đầu người khoảng 8.500USD vào năm 2030 và nền kinh tế số đóng góp 30% vào năm 2030) để đạt được vị thế quốc gia có thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và mức thu nhập cao & quốc gia phát triển vào năm 2045. Chiến lược thay đổi từ tăng trưởng dựa vào nguồn vốn & lao động sang tăng trưởng dựa vào năng suất & đổi mới, trong đó khu vực tư nhân là động lực tăng trưởng chính. Chính sách đối ngoại, quốc phòng và an ninh hiện là những ưu tiên chiến lược thường trực. Một sự đổi mới lớn là việc tích hợp một Chương trình Hành động cụ thể, qua đó gắn kết chặt chẽ giữa định hướng chiến lược và triển khai thực tiễn. So với Đại hội khóa 13, Đại hội khóa 14 tập trung nhiều hơn vào cải cách thể chế, chuyển đổi số, quản trị & trách nhiệm về hiệu quả hoạt động.

Kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khóa 16 dự kiến khai mạc vào ngày 6/4/2026 (sớm hơn 3 tháng so với phiên họp đầu tiên của Quốc hội khóa 15 vào tháng 7/2021) và diễn ra theo hai giai đoạn: 1) từ ngày 6-22/4/2026 về các vấn đề nhân sự và 2) từ ngày 11-21/5/2026 về các vấn đề kinh tế - xã hội. Các vị trí nhân sự quan trọng cần theo dõi bao gồm Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ. Đáng chú ý là Quốc hội khóa 15 đã kết thúc phiên họp cuối cùng trước Đại hội Đảng khóa 14, đánh dấu sự khác biệt so với thông lệ trước đây, cho thấy những cải cách nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc chuyển giao lãnh đạo. Chúng tôi kỳ vọng một kỳ họp bất thường của Quốc hội khóa 15 dự kiến sẽ diễn ra trước hoặc ngay sau Tết Nguyên đán để xem xét và đề xuất bổ nhiệm lãnh đạo chủ chốt cho nhiệm kỳ sắp tới.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 2/2.

Hình 1: Hồ sơ của 19 Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản khóa XIV



Nguồn: Baocinhphu.vn, HSC

Đại hội Đảng lần thứ 14: Từ văn kiện đến thực thi

Đại hội Đảng khóa 14 đã thành công bầu ra 200 đại biểu vào Ban Chấp hành Trung ương khóa 14, trong đó có 19 Ủy viên Bộ Chính trị, phần lớn đến từ hàng ngũ của Đảng. Tổng Bí thư Tô Lâm tái đắc cử củng cố sự ổn định chính trị và tính liên tục của thể chế. Để hoàn thành mục tiêu tăng trưởng đầy tham vọng tối thiểu 10% trong giai đoạn 2026-2030, các văn kiện của Đại hội đóng vai trò như một lời kêu gọi hành động rõ ràng, đánh dấu sự chuyển dịch sang tăng trưởng dựa trên năng suất và đổi mới sáng tạo, trong đó nhấn mạnh hơn vào cải cách thể chế, chuyển đổi số & quản trị so với Đại hội khóa 13. Phiên họp đầu tiên của Quốc hội khóa 16 dự kiến khai mạc vào ngày 6/4/2026, bao gồm giai đoạn một kéo dài từ 6-22/4/2026 và giai đoạn hai kéo dài từ 11-21/5/2026, trong đó việc bổ nhiệm các nhân sự chủ chốt, bao gồm Chủ tịch nước và Thủ tướng, sẽ được theo dõi chặt chẽ. Đáng chú ý, Quốc hội khóa 15 đã kết thúc phiên họp cuối cùng trước Đại hội Đảng khóa 14, phản ánh những cải cách nhằm chuyển giao lãnh đạo thuận lợi hơn, phù hợp với chu kỳ Đại hội Đảng.

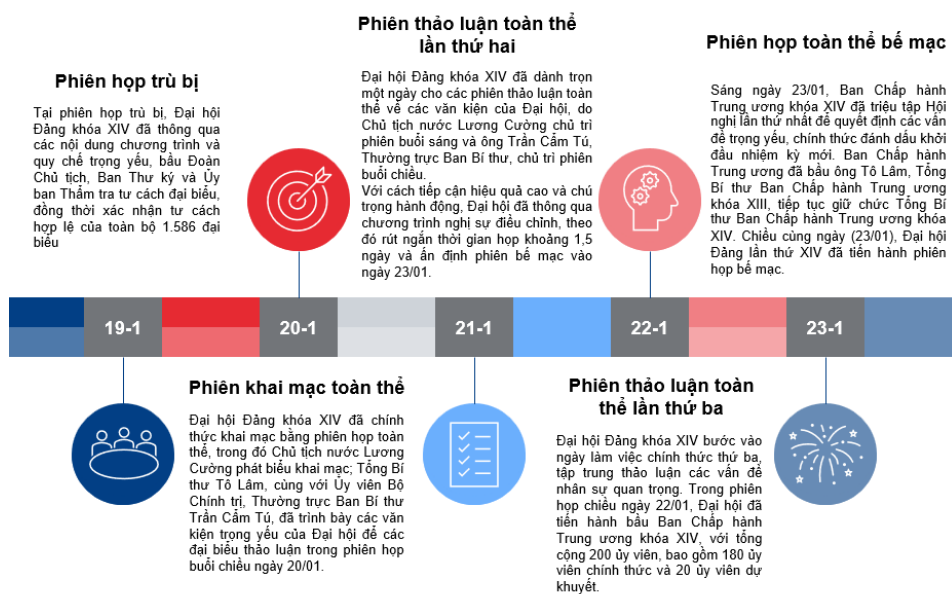
Bối cảnh

Năm 2026 đánh dấu sự khởi đầu của một chu kỳ phát triển mới cho Việt Nam. Trong bối cảnh đó, Đại hội Đảng lần thứ 14 không chỉ đóng vai trò đánh giá toàn diện nhiệm kỳ 13 (2021-2025), mà còn là một bước ngoặt chiến lược, đặt nền móng cho một giai đoạn phát triển dài hạn mới được thúc đẩy bởi tham vọng quốc gia và khát vọng đột phá.

Diễn ra từ ngày 19-23/1/2026, Đại hội Đảng lần thứ 14 được tổ chức với chủ đề: “Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, chung sức, đồng lòng thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030; tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, vì hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên Chủ nghĩa xã hội”.

Biểu đồ 2: Lộ trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 14

Với cách tiếp cận có kỷ luật cao và chú trọng thực thi, Đại hội đã thông qua chương trình điều chỉnh, theo đó rút ngắn thời gian họp khoảng 1,5 ngày, từ đó đẩy phiên bế mạc sớm lên ngày 23/1



Nguồn: Baohinphu.vn, HSC

Đại hội, với sự tham dự của 1.586 đại biểu (đại diện cho hơn 5,6 triệu đảng viên), đã khai mạc bằng việc tổng kết chặng đường đổi mới gần bốn thập kỷ, trước khi đề ra tư duy chiến lược, tầm nhìn dài hạn và các định hướng chính sách quan trọng hướng tới các mục tiêu tăng trưởng chủ chốt trong kỷ nguyên mới. Theo biên bản Đại hội, trong phiên họp khai mạc, Đại hội khóa 14 đã thảo luận và thông qua một số văn kiện quan

trọng, bao gồm Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa 13, Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam, Báo cáo tổng kết 15 năm thi hành Điều lệ Đảng (2011-2025) và đề xuất định hướng bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, và Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa 13 (Phân tích chi tiết bên dưới).

Sau bài phát biểu khai mạc của Chủ tịch nước Lương Cường, Tổng Bí thư Tô Lâm đã trình bày các văn kiện quan trọng trước Đại hội Đảng khóa 14. Trong bài phát biểu, Tổng Bí thư đã vạch ra các mục tiêu tổng thể của Việt Nam trong giai đoạn 2026-2030: đặt mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân hàng năm tối thiểu 10% với GDP bình quân đầu người đạt khoảng 8.500USD vào năm 2030.

Chúng tôi cũng ghi nhận từ bài phát biểu của Tổng Bí thư rằng Việt Nam có kế hoạch chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng mới, tập trung vào năng suất, chất lượng, hiệu quả và đổi mới, đồng thời từng bước giảm sự phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên và lao động giá rẻ. Khoa học, công nghệ, đổi mới và chuyển đổi số được xác định là động lực cốt lõi cho sự phát triển trong tương lai. Tổng Bí thư nhấn mạnh rằng việc thực thi chính sách sẽ dựa trên ba bước đột phá chiến lược: cải cách thể chế và thực thi chính sách, phát triển nguồn nhân lực, tập trung vào nhân tài chất lượng cao, đặc biệt là liên quan đến khoa học, công nghệ & đổi mới và phát triển cơ sở hạ tầng hiện đại, đồng bộ (Phân tích chi tiết ở phần sau).

Bổ nhiệm nhân sự chủ chốt

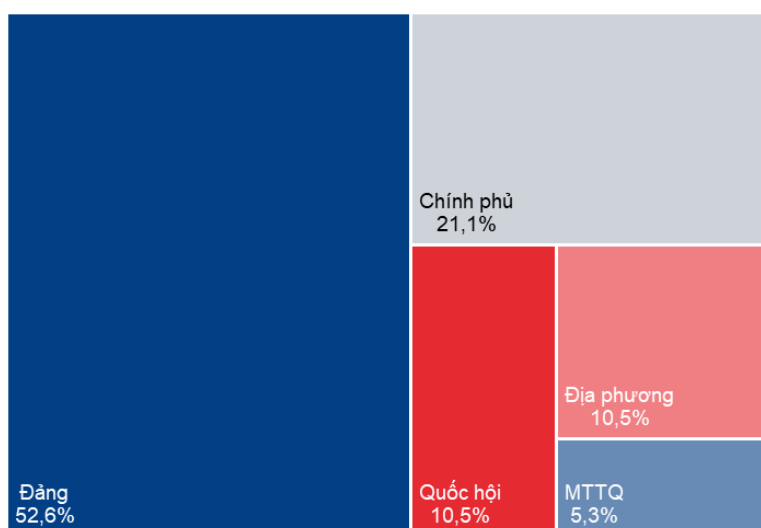
Theo lịch trình, chiều ngày 22/1/2026, Đại hội đã thảo luận và thực hiện các công tác nhân sự quan trọng, trong đó Ban Chấp hành Trung ương khóa 14 bầu ra 200 ủy viên, bao gồm 180 ủy viên chính thức và 20 ủy viên dự khuyết.

Trước hết, xét về cơ cấu 19 ủy viên Bộ Chính trị, được lựa chọn từ 200 ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa 14, cho thấy sự cân bằng giữa kế thừa và đổi mới, với 10 ủy viên tái đắc cử và 9 ủy viên được bổ nhiệm lần đầu (Biểu đồ 1).

Về quê quán, Hà Tĩnh, Hưng Yên, Ninh Bình mỗi tỉnh có 3 ủy viên Bộ Chính trị, trở thành những tỉnh có nhiều đại biểu nhất. Về nguồn gốc thể chế, Bộ Chính trị chủ yếu đến từ Đảng, với 10 ủy viên (53%). Tiếp theo là Chính phủ với 4 ủy viên (21%), trong khi Quốc hội và chính quyền địa phương mỗi bên có 2 ủy viên (11%). Sự phân bố này nhấn mạnh vai trò trung tâm của các thể chế Đảng trong việc định hình đội ngũ lãnh đạo cấp cao (Biểu đồ 3).

Biểu đồ 3: Khối công tác của 19 Ủy viên Bộ Chính trị

Phần lớn các Ủy viên Bộ Chính trị có nền tảng công tác từ khối Đảng



Nguồn: vnexpress.net, HSC

Ghi chú: Dựa trên các điều khoản Hiến pháp

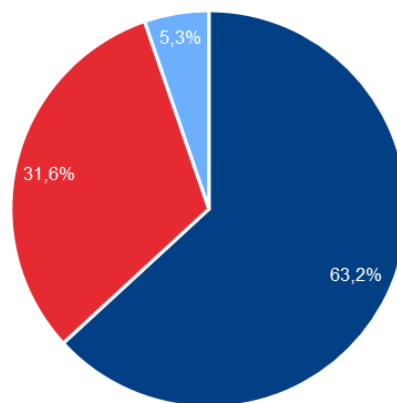
Xét về cơ cấu độ tuổi, Bộ Chính trị vẫn nghiêng về các ủy viên lớn tuổi. Trong thành phần hiện tại, 12 ủy viên (63%) trên 60 tuổi, 6 ủy viên (32%) dưới 60 tuổi, bao gồm

một ủy viên dưới 50 tuổi (5%). Mặc dù hồ sơ lãnh đạo có vẻ trẻ hơn một chút so với nhiệm kỳ thứ 13 - 72% Ủy viên Bộ Chính trị trên 60 tuổi và chỉ có 28% nằm trong độ tuổi 51-60 - nhưng vẫn phản ánh sự ưu tiên mạnh mẽ của thể chế đối với nhân sự thâm niên và giàu kinh nghiệm quản trị (Biểu đồ 4).

Biểu đồ 4: Cơ cấu độ tuổi của 19 Ủy viên Bộ Chính trị

63% Ủy viên Bộ Chính trị ở độ tuổi từ 60 trở lên

■ Trên 60 tuổi ■ Dưới 60 tuổi ■ Dưới 50 tuổi

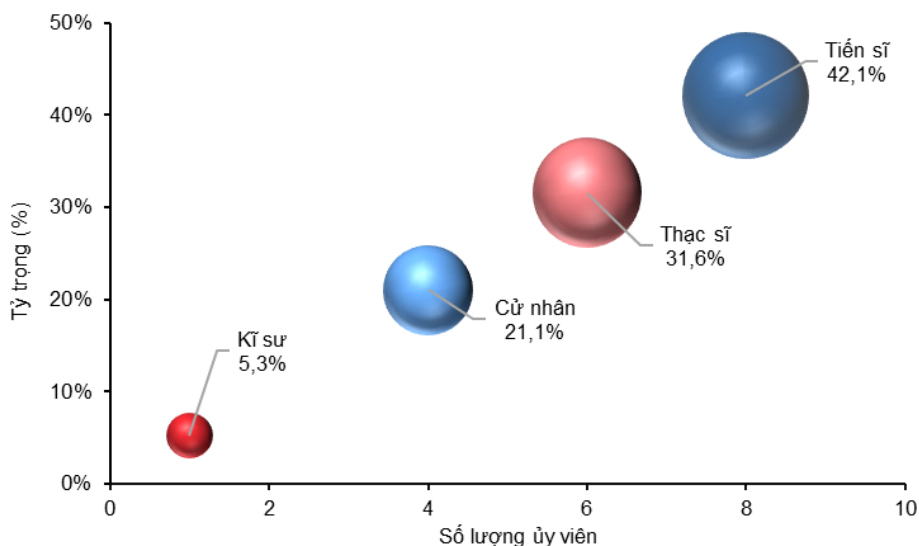


Nguồn: vnexpress.net, HSC

Về trình độ học vấn, những ủy viên có bằng tiến sĩ đóng góp lớn nhất, bao gồm 8 ủy viên (42%), tiếp theo là 6 ủy viên có bằng thạc sĩ (32%), 4 ủy viên có bằng cử nhân (21%) và 1 ủy viên có bằng kỹ sư (5%), củng cố tính chất học thuật cao của Bộ Chính trị (Biểu đồ 5).

Biểu đồ 5: Trình độ học vấn của 19 Ủy viên Bộ Chính trị

Nhóm có trình độ tiến sĩ chiếm tỷ trọng lớn nhất, với 8 ủy viên (42%)



Nguồn: vnexpress.net, HSC

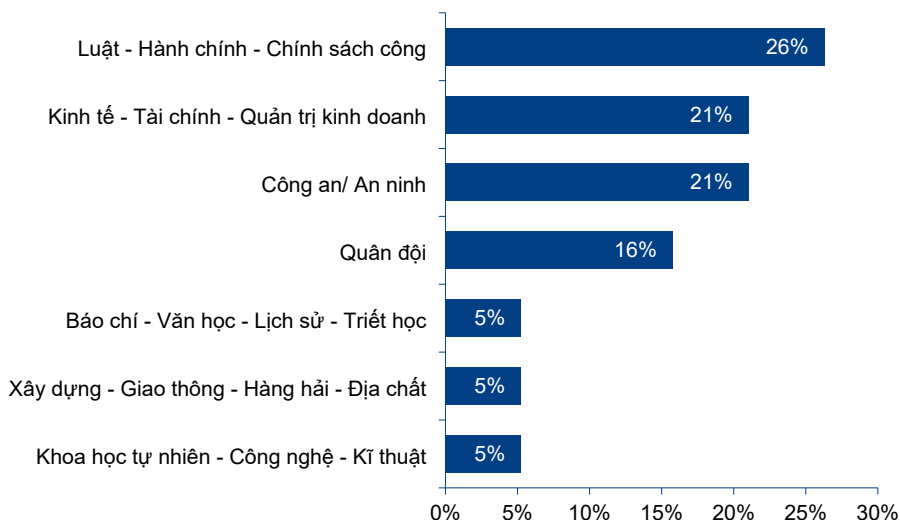
Ghi chú: Kích thước hình tròn thể hiện tỷ trọng trong Bộ Chính trị
 Ghi chú: Bằng cử nhân thông thường bao gồm nhiều lĩnh vực đào tạo khác nhau, gồm nghệ thuật, khoa học xã hội, kinh tế, v.v. Trong khi đó, bằng kỹ sư là văn bằng đại học mang tính chuyên ngành, tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ, với chương trình đào tạo có hàm lượng kỹ thuật cao và nhấn mạnh đào tạo ứng dụng kỹ thuật - công nghệ.

Cuối cùng, xét về kinh nghiệm chuyên môn, các ủy viên có kinh nghiệm trong lĩnh vực luật, hành chính công và chính sách công đóng góp lớn nhất, bao gồm 5 ủy viên (26%). Đáng chú ý, số lượng ủy viên đến từ lực lượng cảnh sát/công an vượt trội hơn

so với quân đội, với 4 ủy viên (21%), tương đương số lượng ủy viên đến từ lĩnh vực kinh tế, tài chính & quản trị kinh doanh, so với 3 ủy viên (16%) đến từ quân đội (Biểu đồ 6).

Biểu đồ 6: Nền tảng chuyên môn của 19 Ủy viên Bộ Chính trị

Nhóm Ủy viên có nền tảng về luật, hành chính công và chính sách công chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu Bộ Chính trị



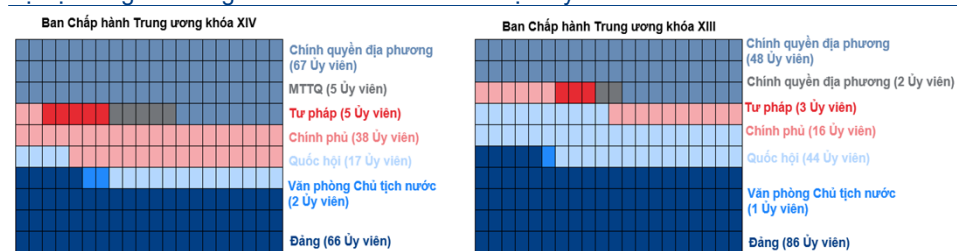
Nguồn: vnexpress.net, HSC

Nhìn vào bức tranh tổng thể, khi xem xét hồ sơ của 200 ủy viên của Ban Chấp hành Trung ương khóa 14, so sánh với nhiệm kỳ trước và dựa trên các tiêu chí chính, bao gồm nguồn gốc thể chế, kinh nghiệm chuyên môn, trình độ học vấn, cơ cấu độ tuổi và tái đắc cử so với bổ nhiệm lần đầu, chúng tôi nhận thấy những thay đổi đáng kể trong hồ sơ lãnh đạo.

Thứ nhất, xét về nguồn gốc thể chế, thành phần của Ban Chấp hành Trung ương khóa 14 cho thấy sự tái cân bằng đáng kể giữa các khối thể chế so với nhiệm kỳ thứ 13. Số lượng đại diện từ chính quyền địa phương tăng đáng kể, từ 48 lên 67 ủy viên (chiếm 33,5% tổng số, tăng 9,5 điểm phần trăm so với nhiệm kỳ trước), củng cố thêm tầm ảnh hưởng ngày càng lớn của lãnh đạo cấp tỉnh. Trong khi khối Đảng vẫn là nhóm lớn thứ hai với 66 ủy viên, tỷ lệ của khối này giảm 10 điểm phần trăm xuống 33% trong nhiệm kỳ thứ 14, cho thấy sự dịch chuyển tương đối khỏi các vai trò thuần túy tập trung vào Đảng. Khối Chính phủ cũng mở rộng đáng kể, tăng hơn gấp đôi từ 16 lên 38 ủy viên (19%), cho thấy sự tham gia nhiều hơn của đội ngũ hành pháp vào Ban chấp hành Trung ương. Số lượng đại diện từ Quốc hội giảm đáng kể về số tuyệt đối (từ 44 xuống 17 ủy viên), chiếm 8,5% tổng số, tương đương giảm 13,5 điểm phần trăm. Trong khi đó, Mặt trận Tổ quốc và ngành tư pháp (mỗi bên có 5 ủy viên, 2,5%) tăng khiêm tốn lần lượt 1,5 điểm phần trăm và 1 điểm phần trăm. Văn phòng Chủ tịch nước cũng đóng góp 2 đại diện vào Ban Chấp hành Trung ương khóa 14, bao gồm Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và Phó Chủ tịch nước. Nhìn chung, Ban Chấp hành Trung ương khóa 14 phản ánh một cơ sở quyền lực rộng hơn và đa dạng hơn về mặt thể chế (Biểu đồ 7).

Biểu đồ 7: Khối công tác của 200 Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV

Tuy rằng khối chính quyền địa phương vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất nhưng khối Chính phủ đang ngày càng củng cố vai trò, qua đó cùng với chính quyền địa phương hình thành hai trụ cột nòng cốt trong cơ cấu điều hành của nhiệm kỳ khóa XIV



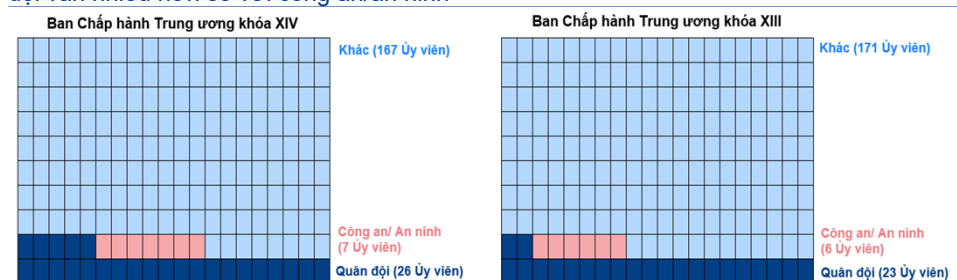
Nguồn: vnexpress.net, HSC

Ghi chú: Nhóm Chính phủ bao gồm Thủ tướng, các Phó Thủ tướng, Bộ trưởng, Thứ trưởng và các cơ quan ngang bộ. Nhóm Chủ tịch nước bao gồm Phó Chủ tịch nước và Văn phòng Chủ tịch nước, phù hợp với [các quy định của Hiến pháp](#).

Xét về chuyên môn, số lượng đại diện từ cả quân đội và lực lượng cảnh sát/công an đã tăng lên so với nhiệm kỳ 13. Quân đội vẫn là trụ cột chính, chiếm 13% tổng số ghế trong Ban Chấp hành Trung ương (26 ghế), tăng 1,5 điểm phần trăm so với 11,5% (23 ghế) trước đó. Số lượng đại diện từ lực lượng cảnh sát/công an cũng tăng nhẹ lên 7 ghế, tương đương 3,5% tổng số, so với 6 ghế (3%) trong nhiệm kỳ trước – tăng 0,5 điểm phần trăm (Biểu đồ 8).

Biểu đồ 8: Nền tảng chuyên môn của 200 Ủy viên Ban Chấp hành TW khóa XIV

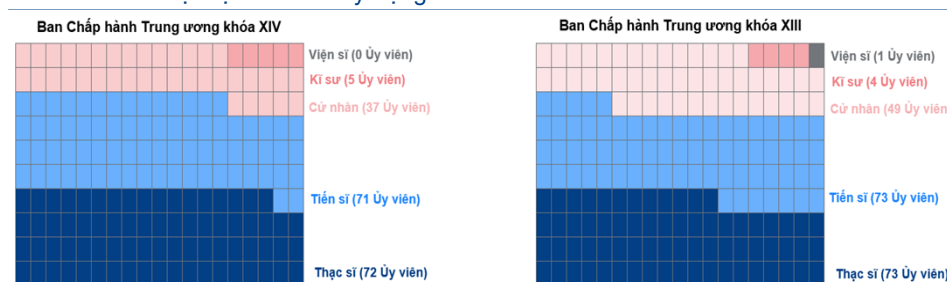
So sánh giữa khối công an/an ninh và khối quân đội, số lượng đại biểu xuất thân từ quân đội vẫn nhiều hơn so với công an/an ninh



Nguồn: vnexpress.net, HSC

Về trình độ học vấn, hồ sơ tổng thể của 200 ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa 14 cho thấy sự gia tăng liên tục về trình độ học vấn. Tổng cộng 77,3% có bằng sau đại học (thạc sĩ hoặc tiến sĩ), tăng từ 73% ở nhiệm kỳ 13. Trong nhóm này, các ủy viên có bằng thạc sĩ hiện chiếm tỷ lệ lớn nhất, tăng lên 38,9% từ 36,5% trước đó, mặc dù số lượng tuyệt đối giảm nhẹ 1 người xuống 72 người. Tương tự, tỷ lệ ủy viên có bằng tiến sĩ tăng lên 38,4%, từ 36,5% trong nhiệm kỳ trước đó, bất chấp số lượng giảm nhẹ xuống 71 người từ 73 người trước đó. Ngược lại, số lượng ủy viên có trình độ cao nhất là bằng cử nhân giảm đáng kể xuống 20% (37 người) từ 24,5% (49 người) trước đó, cho thấy các tiêu chí giáo dục chặt chẽ hơn và nhấn mạnh hơn vào bằng cấp sau đại học trong quá trình lựa chọn ủy viên (Biểu đồ 9).

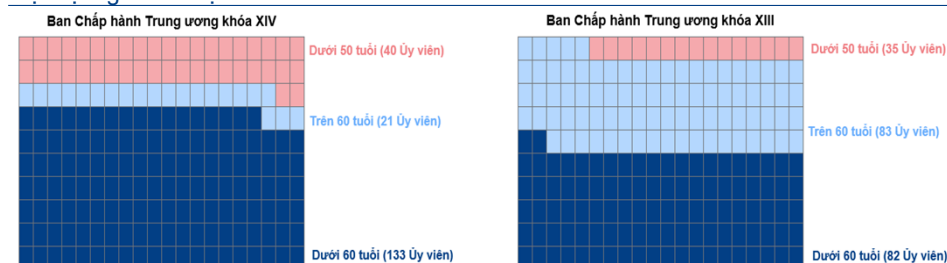
Biểu đồ 9: Trình độ học vấn của 200 Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV
Nhóm có trình độ thạc sĩ chiếm tỷ trọng lớn nhất



Nguồn: vnexpress.net, HSC
Ghi chú: Bảng cử nhân thông thường bao gồm nhiều lĩnh vực đào tạo khác nhau, gồm nghệ thuật, khoa học xã hội, kinh tế, v.v. Trong khi đó, bằng kỹ sư là văn bằng đại học mang tính chuyên ngành, tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ, với chương trình đào tạo có hàm lượng kỹ thuật cao và nhấn mạnh đào tạo ứng dụng kỹ thuật - công nghệ

Xét về cơ cấu độ tuổi tổng thể, thành phần của Ban Chấp hành Trung ương khóa 14 cho thấy sự chuyển dịch rõ rệt sang một cấu trúc lãnh đạo trẻ hơn. Nhóm dưới 60 tuổi đã trở thành xương sống chủ đạo của Ban Chấp hành với tỷ lệ tăng mạnh lên 68,6% (133 ủy viên) từ 41% (82 ủy viên) trong nhiệm kỳ trước. Nhóm này kết hợp kinh nghiệm lãnh đạo đầy đủ với khả năng phục vụ còn lại dưới mức tuổi tối đa, tạo điều kiện trở thành nhóm lãnh đạo nòng cốt. Điều đáng chú ý là số lượng ủy viên nhóm trên 60 tuổi giảm mạnh xuống chỉ còn 21 người, chiếm 10,8% tổng số, so với 83 ủy viên trong Ban Chấp hành Trung ương khóa 13, chiếm tỷ lệ lớn nhất. Điều này nhấn mạnh sự tái cân bằng có chủ đích hướng tới các cán bộ có khả năng phục vụ thêm một đến hai nhiệm kỳ, phản ánh tầm nhìn của lãnh đạo về tính liên tục của thể chế. Trong khi đó, nhóm tuổi dưới 50 cũng gia tăng về số lượng đại diện lên 40 ủy viên (20,6%), nhấn mạnh chiến lược đổi mới lãnh đạo mang tính chiến lược, trong đó nhóm này ngày càng được coi là nguồn cung ứng cho các vai trò lãnh đạo trong một đến hai nhiệm kỳ tiếp theo của Đảng (Biểu đồ 10).

Biểu đồ 10: Cơ cấu độ tuổi của 200 Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV
Cơ cấu của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV đã có xu hướng dịch chuyển rõ rệt sang một đội ngũ lãnh đạo trẻ hơn

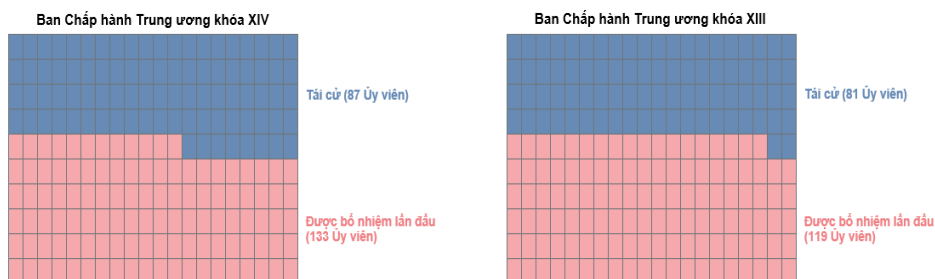


Nguồn: vnexpress.net, HSC

Cuối cùng, xét về việc tái đắc cử so với lần bổ nhiệm đầu tiên, các ủy viên tái đắc cử tiếp tục chiếm đa số, chiếm 56,5% trong Ban Chấp hành Trung ương khóa 14. Tuy nhiên, số lượng ủy viên tái đắc cử đã giảm xuống 113 ủy viên, từ 119 ủy viên trong nhiệm kỳ trước. Cơ cấu này cho thấy các nhóm quyền lực cốt lõi vẫn chiếm ưu thế, đảm bảo điều hành trơn tru trong giai đoạn chuyển tiếp và tránh gián đoạn chính sách cũng như giảm thiểu rủi ro thể chế. Đồng thời, số lượng ủy viên được bổ nhiệm lần đầu tăng lên 87 ủy viên, từ 81 ủy viên trong Ban Chấp hành Trung ương khóa 13, tương đương tỷ lệ tăng lên 43,5%. Đáng chú ý, khi kết hợp cùng với phân bố độ tuổi, hầu hết các ủy viên được bổ nhiệm lần đầu đều thuộc nhóm tuổi dưới 60 tuổi. Nhìn chung, sự kết hợp giữa tái đắc cử và đắc cử lần đầu phản ánh một chiến lược chuyển đổi thận trọng và được tính toán kỹ lưỡng: giữ lại đa số các ủy viên giàu kinh nghiệm để đảm bảo tính liên tục của chính sách, đồng thời bổ sung một số ủy viên mới được chọn lọc kỹ lưỡng để làm mới đội ngũ lãnh đạo mà không làm tăng rủi ro về quản trị hoặc thực thi (Biểu đồ 11).

Biểu đồ 11: Cơ cấu ủy viên tái cử và lần đầu tham gia của 200 Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV

Các ủy viên tái cử vẫn chiếm tỷ trọng 56,5%, từ đó bảo đảm tính kế thừa trong lãnh đạo; trong khi tỷ lệ ủy viên lần đầu tham gia đã tăng lên đạt 43,5%, cho thấy nỗ lực đổi mới đang được thúc đẩy một cách có lộ trình



Nguồn: vnexpress.net, HSC

Việt Nam tại thời điểm bước ngoặt chiến lược: Những thông điệp chính từ các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 14 (2026-2030)

Các văn kiện của Đại hội được xây dựng trong bối cảnh đặc biệt quan trọng khi Việt Nam trải qua bốn thập kỷ đổi mới theo hướng xã hội chủ nghĩa và tiến tới hai cột mốc lịch sử: Kỷ niệm 100 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào năm 2030 và kỷ niệm 100 năm ngày độc lập dân tộc vào năm 2045. Do đó, các văn kiện của Đại hội Đảng lần thứ 14 không chỉ đóng vai trò tổng kết chiến lược quá trình phát triển vừa qua mà còn định hình tầm nhìn và khuôn khổ chính sách cho mô hình tăng trưởng của Việt Nam trong trung và dài hạn.

Bối cảnh toàn cầu và trong nước: Đòi hỏi cấp thiết về chuyển đổi mô hình phát triển

Các văn kiện này được soạn thảo trong bối cảnh thế giới đối mặt với bất định kéo dài, cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc ngày càng gay gắt, xu hướng phân mảnh chuỗi cung ứng toàn cầu tăng tốc, cùng với rủi ro địa chính trị gia tăng về mặt cấu trúc. Những động thái này đã làm suy yếu sự ổn định của thương mại toàn cầu và làm gia tăng khả năng tổn thương từ bên ngoài đối với các nền kinh tế mở như Việt Nam.

Trong nước, Việt Nam đối mặt với nhiều thách thức phức tạp mang tính cấu trúc: Duy trì đà tăng trưởng cao, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và tháo gỡ những vướng mắc lâu dài trong thể chế, cơ sở hạ tầng & năng suất lao động. Trình tự chính sách truyền thống, ưu tiên tăng trưởng trước cải cách sau, không còn khả thi. Thay vào đó, tăng trưởng, ổn định & cải cách hiện phải được triển khai song hành, đòi hỏi một sự thay đổi cơ bản trong tư duy điều hành, từ mô hình mở rộng dựa trên tốc độ sang khuôn khổ phát triển chú trọng tính bền vững, kiểm soát rủi ro và nâng cao chất lượng tăng trưởng.

Trong bối cảnh này, Đại hội Đảng khóa 14 nhấn mạnh tính cấp thiết của việc tái định hình mô hình tăng trưởng của Việt Nam, định hướng nền kinh tế chuyển sang quỹ đạo tăng trưởng dựa trên năng suất, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số & nâng cấp cơ cấu kinh tế, thay vì phụ thuộc chủ yếu vào mở rộng vốn đầu tư và lao động.

Các nhiệm vụ chiến lược

Với phương châm “**Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển**”, Đại hội Đảng lần thứ 14 đặt nền tảng cho một khuôn khổ chiến lược toàn diện, kết hợp phát triển kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội và củng cố thể chế trong bối cảnh “**kỷ nguyên vươn mình của dân tộc**”.

Trên bình diện chiến lược, Đảng xác lập hai mốc mục tiêu then chốt:

- **Đến năm 2030:** Trở thành nước đang phát triển có nền công nghiệp hiện đại, đạt trình độ thu nhập trung bình cao.
- **Đến năm 2045:** Trở thành quốc gia phát triển, có thu nhập cao.

Nguyên tắc chỉ đạo

- Kiên định tự chủ chiến lược và nền tảng tư tưởng, đồng thời đẩy mạnh cải cách toàn diện nhằm đạt được tăng trưởng nhanh nhưng bền vững, bảo đảm ổn định kinh tế – xã hội và giữ vững chủ quyền, an ninh quốc gia.
- Chủ động nắm bắt thời cơ và quản lý rủi ro, xác định **khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế** là những đột phá then chốt, triển khai đồng bộ các trụ cột phát triển, với **phát triển kinh tế, xã hội và môi trường** là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa - con người là nền tảng, **tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế** là trọng yếu, thường xuyên.
- Phát huy nội lực và nguồn lực xã hội, hoàn thiện thể chế, tháo gỡ các điểm nghẽn, xác lập mô hình tăng trưởng mới dựa trên **công nghệ, chuyển đổi số, phát triển kinh tế kinh tế tư nhân** và các chuyển đổi mang tính cấu trúc.
- Phối hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh và ngoại giao để tối đa hóa lợi ích quốc gia trong bối cảnh hội nhập toàn cầu ngày càng sâu rộng và bất ổn địa chính trị gia tăng.
- Nâng cao năng lực lãnh đạo và hiệu quả thực thi, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương và kiểm soát quyền lực.

Quan điểm của HSC

Trong khi tái khẳng định mục tiêu tổng thể về phát triển nhanh chóng và bền vững, bản dự thảo giới thiệu ba sự thay đổi chiến lược đáng chú ý.

Thứ nhất, **tính bền vững môi trường** lần đầu tiên được xác lập là một trong ba trụ cột trung tâm, bên cạnh phát triển kinh tế và xã hội, phản ánh sự dịch chuyển rõ nét sang mô hình tăng trưởng xanh và bền vững hơn.

Thứ hai, **đối ngoại và hội nhập quốc tế**, cùng với quốc phòng và an ninh quốc gia, được nâng lên thành nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, tạo nền tảng củng cố thể trận tổng hợp và tăng cường “thể trận lòng dân” trong bối cảnh địa chính trị phức tạp.

Thứ ba, văn kiện nhấn mạnh **khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo** là động lực tăng trưởng chủ đạo, đồng thời khẳng định vai trò then chốt của **khu vực kinh tế tư nhân** trong giai đoạn phát triển mới

Các mục tiêu phát triển chủ yếu giai đoạn 2026-2030

Các mục tiêu đặt ra cho năm 2030 và tầm nhìn dài hạn đến năm 2045 không chỉ là những chỉ tiêu kinh tế - xã hội mà là sự kết tinh cao nhất của khát vọng phát triển dân tộc trong thời đại mới. Mốc thời gian năm 2030 đóng vai trò là bước ngoặt chiến lược quyết định để đánh giá khả năng Việt Nam có thể chuyển đổi thành công sang quỹ đạo tăng trưởng dựa trên năng suất, đổi mới và năng lực cạnh tranh quốc tế, từ đó xây dựng nền tảng vững chắc để trở thành quốc gia phát triển và vị thế thu nhập cao vào năm 2045.

Do đó, sự phát triển được định hình trong một mô hình toàn diện: Tăng trưởng nhanh nhưng bền vững, thịnh vượng kinh tế đi đôi với tiến bộ xã hội, công bằng và nâng cao chất lượng cuộc sống. Quá trình chuyển đổi này đòi hỏi cải cách toàn diện trên các phương diện thể chế, mô hình tăng trưởng, phát triển nguồn nhân lực và năng lực điều hành của Nhà nước. Chúng tôi tóm tắt các mục tiêu chủ yếu về kinh tế, xã hội & môi trường trọng điểm cho giai đoạn 2026-2030 trong Biểu đồ 12.

Mục tiêu kinh tế

- **Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm đạt tối thiểu 10%** trong giai đoạn 2026-2030; **GDP bình quân đầu người đạt khoảng 8.500 USD** vào năm 2030;
- Tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến & chế tạo tăng lên khoảng 28% GDP, tỉ trọng kinh tế số đạt khoảng 30% GDP;
- Tổng tích lũy tài sản đóng góp 35-36% GDP, đồng thời duy trì tỷ trọng tiêu dùng cuối cùng ở mức 61-62% GDP;

- Tỷ lệ huy động nguồn ngân sách giai đoạn 2026 - 2030 đạt 18% GDP, bội chi ngân sách khoảng 5% GDP.

Mục tiêu phát triển xã hội

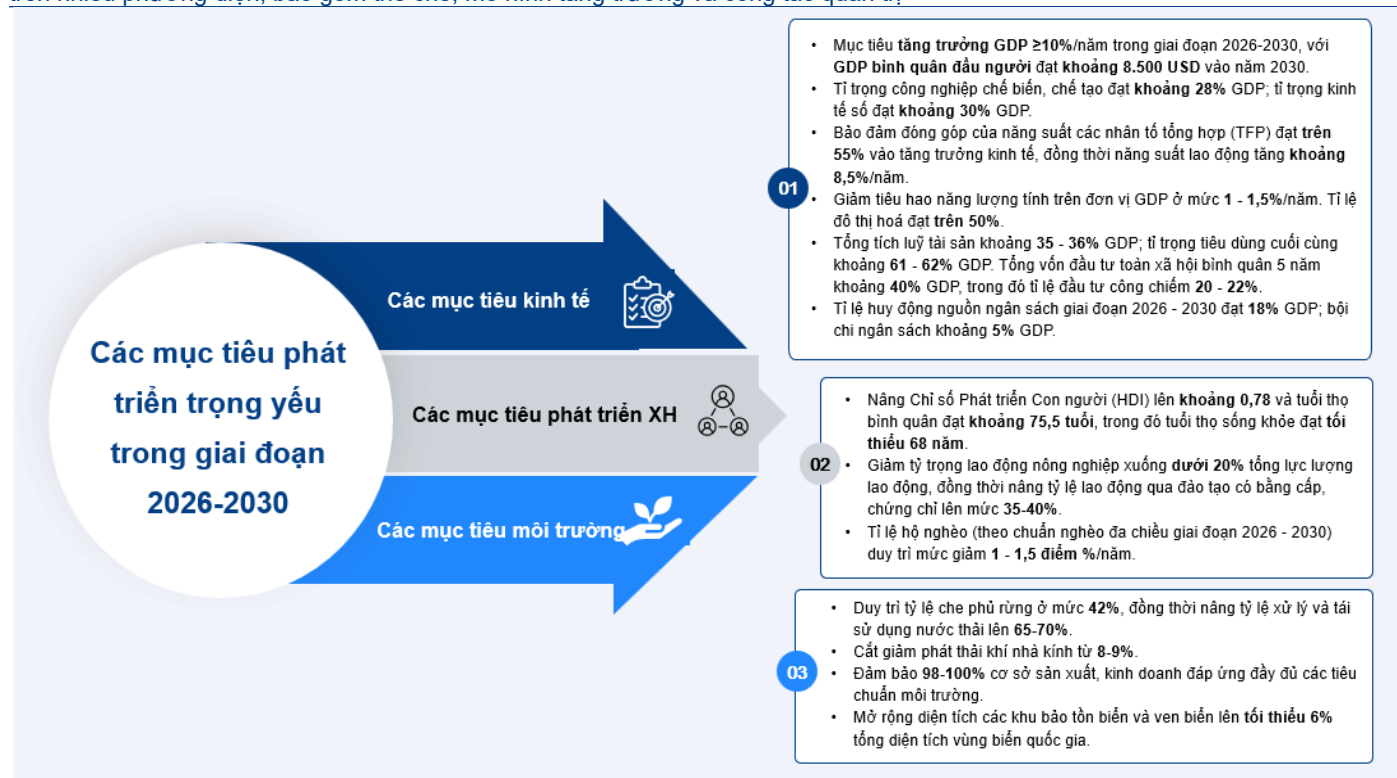
- Chỉ số Phát triển Con người (HDI) đạt khoảng 0,78;
- Tuổi thọ trung bình tăng lên khoảng 75,5 năm;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35-40%.

Mục tiêu môi trường

- Duy trì tỷ lệ che phủ rừng quốc gia ở mức 42%;
- Phát thải khí nhà kính giảm 8-9%.

Biểu đồ 12: Các mục tiêu phát triển chủ chốt giai đoạn 2026-2030

Các mục tiêu phát triển phản ánh tầm nhìn quốc gia đầy tham vọng cùng quyết tâm mạnh mẽ trong việc thúc đẩy cải cách cơ cấu trên nhiều phương diện, bao gồm thể chế, mô hình tăng trưởng và công tác quản trị



Nguồn: Dự thảo văn kiện Đại hội Đảng lần thứ 14, HSC.

Định hướng phát triển trên các lĩnh vực chủ yếu: Những điểm nhấn then chốt

Mười hai định hướng chiến lược được phác họa rõ nét không chỉ trong Dự thảo Báo cáo chính trị, mà còn được cụ thể hóa thông qua Chương trình hành động. Một điểm đổi mới quan trọng của Đại hội lần thứ 14 nằm ở thiết kế tích hợp, trong đó Chương trình Hành động được tích hợp như một phần cốt lõi của Báo cáo Chính trị, thay vì được xây dựng tách biệt sau đó như trong các đại hội trước đây (Biểu đồ 13).

Cách tiếp cận này cho phép cụ thể hoá ngay các nhiệm vụ chiến lược, các dự án trọng điểm, trách nhiệm của các tổ chức, phân bổ nguồn lực và thời gian thực hiện, từ đó thu hẹp đáng kể khoảng cách giữa giữa hoạch định chính sách và triển khai thực thi. Đây là bước chuyển mang tính cấu trúc, từ tư duy hoạch định sang mô hình quản trị dựa trên hiệu quả thực thi, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo tối cao cho hiệu quả của bộ máy.

- **Cải cách thể chế:** Đẩy mạnh cải cách thể chế, tăng cường thực hiện chính sách, mở rộng phân cấp - phân quyền, và xây dựng khung pháp lý cho công nghệ tài

chính, tài sản số & trí tuệ nhân tạo, phân đầu môi trường kinh doanh thuộc nhóm 3 ASEAN và nhóm 30 thế giới.

- **Xác lập mô hình tăng trưởng mới:** Lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính, đồng thời củng cố vai trò ổn định của Nhà nước và xác định khu vực tư nhân là động lực tăng trưởng chính.
- **Văn hóa và Phát triển Con người:** Triển khai Hệ giá trị quốc gia, Hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam, đồng thời đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp văn hóa & sáng tạo, xây dựng các công trình văn hóa, thể thao biểu tượng ngang tầm quốc tế.
- **Cải cách giáo dục:** Hiện đại hóa giáo dục theo tiêu chuẩn khu vực & quốc tế, xác định tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai trên toàn quốc, Đẩy mạnh phương thức giáo dục STEAM, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy và bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành mũi nhọn theo chuẩn quốc tế.
- **Đột phá phát triển công nghệ và chuyển đổi số:** Đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, nâng cấp cơ sở hạ tầng số và tăng cường hệ sinh thái đổi mới sáng tạo do doanh nghiệp dẫn dắt.
- **Quản lý phát triển xã hội bền vững:** Xây dựng hệ thống y tế cơ sở vững mạnh, mở rộng diện bao phủ an sinh xã hội, số hóa dịch vụ y tế và đẩy nhanh triển khai các chương trình nhà ở xã hội.
- **Chuyển đổi xanh và thích ứng biến đổi khí hậu:** Tháo gỡ điểm nghẽn về đất đai, giải quyết vấn đề ô nhiễm không khí tại các thành phố lớn, thúc đẩy các mô hình kinh tế tuần hoàn, thiết lập thị trường carbon và thực hiện các dự án quy mô lớn về khả năng chống chịu biến đổi khí hậu, đặc biệt là ở Đồng bằng sông Cửu Long và các vùng núi.
- **Tăng cường quốc phòng và an ninh quốc gia:** Xây dựng Quân đội và Công an cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; phát triển các ngành công nghiệp quốc phòng và an ninh lưỡng dụng làm trụ cột công nghiệp chiến lược và bảo vệ chủ quyền kỹ thuật số quốc gia trên không gian mạng.
- **Quan hệ đối ngoại và hội nhập toàn cầu:** Nâng cấp ngoại giao đa phương và song phương, thúc đẩy ngoại giao kinh tế, kỹ thuật số và công nghệ, đồng thời tận dụng các quan hệ đối tác chiến lược toàn diện để thu hút nguồn lực và nâng cao vị thế quốc gia.
- **Phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân và đại đoàn kết:** Thực hiện hiệu quả phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng", tăng cường sự tham gia của người dân, minh bạch và trách nhiệm, nâng cao vai trò của công dân trong hoạch định chính sách & giám sát.
- **Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa:** Tinh giản cơ cấu hành chính, cải cách khung pháp lý và tăng cường quản trị khu vực công dựa trên năng lực.
- **Xây dựng Đảng và năng lực quản trị:** Nâng cao năng lực lãnh đạo thông qua chuyển đổi số và hệ thống đánh giá cán bộ dựa trên hiệu quả công tác, thực thi cơ chế bổ nhiệm nhân sự theo năng lực và tăng cường các nỗ lực chống tham nhũng, chống lãng phí và xây dựng văn hóa liêm chính.

Biểu đồ 13: Tóm tắt các định hướng phát triển trên các lĩnh vực chủ yếu giai đoạn 2026-2030

Khung định hướng này xác lập 12 ưu tiên chiến lược, đi kèm Chương trình Hành động cụ thể, nhằm bảo đảm triển khai nhanh chóng và hiệu quả



Nguồn: Dự thảo văn kiện Đại hội Đảng lần thứ 14, HSC

Các đột phá chiến lược

- **Đột phá về thể chế và thực thi:** Nâng cao năng lực hoạch định chính sách và kỷ cương thực hiện, đẩy nhanh quá trình phân quyền và ủy quyền, thúc đẩy những đột phá về thể chế trong khoa học, công nghệ, đổi mới & chuyển đổi số để xây dựng một quốc gia định hướng phát triển. Tăng cường phát triển khu vực tư nhân như một động lực tăng trưởng chủ chốt.
- **Đột phá về nguồn nhân lực:** Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng dụng nhân tài, đổi mới đánh giá cán bộ theo chủ trương "có vào, có ra, có lên, có xuống".
- **Đột phá về Kết cấu hạ tầng:** Ưu tiên cơ sở hạ tầng tích hợp bao gồm giao thông đa phương thức, cơ sở hạ tầng số, hệ thống xanh và chuyển đổi năng lượng, tạo nền tảng cho mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất, công nghệ & khả năng cạnh tranh toàn cầu.

Quan điểm của HSC

Những bước đột phá chiến lược được nêu ra trong Đại hội Đảng lần thứ 14 đánh dấu một sự chuyển mình mang tính bước ngoặt, từ mục tiêu hoàn thiện thể chế sang chuyển đổi cơ cấu sâu rộng. Chương trình nghị sự không chỉ dừng lại ở những cải cách nhỏ lẻ mà hướng tới nâng cấp toàn diện năng lực quản trị, thực hiện chính sách và kiến tạo tăng trưởng. Lần đầu tiên, **khoa học, công nghệ, đổi mới & chuyển đổi số** được đặt làm trọng tâm của cải cách thể chế, cùng với việc thúc đẩy mạnh mẽ phân quyền và tăng cường quyền tự chủ địa phương. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực được định hướng lại căn bản **theo hướng quản trị khu vực công dựa trên hiệu quả**, nhấn mạnh cơ chế đánh giá trọng dụng nhân tài, luân chuyển linh hoạt và đổi mới đội ngũ lãnh đạo. Đồng thời, cơ sở hạ tầng chiến lược được định nghĩa lại không chỉ là kết nối địa lý mà còn bao gồm các **hệ thống số, hệ thống xanh và chuyển đổi năng lượng**, xây dựng nền tảng cho mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất & đổi mới sáng tạo. Nhìn chung, những chuyển biến này cho thấy sự chuyển

minh của Việt Nam hướng tới một mô hình phát triển hiện đại dựa trên hiệu quả quản trị, nâng cấp công nghệ và năng lực cạnh tranh dài hạn.

Biểu đồ 14: Ba đột phá chiến lược làm nền tảng cho việc triển khai chính sách

Cải cách thể chế, phát triển nguồn nhân lực và hạ tầng là trụ cột của chiến lược tăng trưởng



Cải cách thể chế và thực thi chính sách

- Nâng cao chất lượng chính sách, tăng cường kỷ luật thực thi.
- Bảo đảm mọi chính sách đều có lộ trình triển khai, nguồn lực tài chính và cơ chế giám sát để thực hiện.



Phát triển nguồn nhân lực

- Triển khai cải cách giáo dục một cách toàn diện.
- Đổi mới đào tạo, gắn chặt với nhu cầu của thị trường lao động.



Phát triển hạ tầng đồng bộ, hiện đại

- Ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông chiến lược, hạ tầng năng lượng, hạ tầng đô thị, hạ tầng viễn thông, đặc biệt là hạ tầng số và dữ liệu, cùng với hạ tầng có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu.
- Mở rộng không gian phát triển theo quy hoạch tổng thể quốc gia, bảo đảm kết nối liên vùng, liên địa phương và kết nối với khu vực cũng như quốc tế.

Nguồn: Baochinhpvu.vn, HSC

Từ tầm nhìn đến thực thi: Những chuyển biến quan trọng từ Đại hội Đảng lần thứ 13 sang Đại hội Đảng lần thứ 14

So với Đại hội lần thứ 13, dự thảo văn kiện của Đại hội lần thứ 14 đánh dấu một sự chuyển biến rõ rệt trong tư duy phát triển và quản trị quốc gia, thể hiện ở sự chuyển dịch từ định hướng chiến lược tổng quát sang các khuôn khổ chính sách hướng đến hành động, tập trung vào cải cách thể chế, năng lực thực hiện và hiệu quả chính sách. Đại hội Đảng lần thứ 14 không chỉ đơn thuần “đặt ra phương hướng”, mà còn “vạch ra lộ trình và kế hoạch thực hiện”, qua đó cải thiện mức độ tin cậy, nhất quán và kỷ cương thực hiện chính sách trong giai đoạn 2026-2030 và những giai đoạn sau đó.

Chúng tôi tóm tắt những điểm khác biệt chính giữa văn kiện của Đại hội lần thứ 13 và lần thứ 14 cùng những ý nghĩa chính sách liên quan trong Bảng 15.

Biểu đồ 15: So sánh Văn kiện Đại hội XIII và Đại hội XIV

Đại hội XIV đánh dấu sự chuyển biến toàn diện trong tư duy hoạch định và thực thi chính sách, phản ánh sự chuyển hướng rõ ràng so với các chu kỳ trước

Khía cạnh	Quốc hội khóa 13 (2021-2025)	Quốc hội khóa 14 (2026-2030)	Hàm ý chính sách
Bối cảnh	Hậu COVID, ưu tiên phục hồi tăng trưởng, ổn định xã hội.	Thế giới phân mảnh, bất định kéo dài, cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt.	Chuyển đổi từ giai đoạn tích lũy và chuẩn bị sang giai đoạn bứt phá mạnh mẽ nhằm trở thành nền kinh tế phát triển.
Phương châm	Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển	Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển	Chuyển dịch từ "Sáng tạo" sang "Đột phá" dựa trên hành động, nhấn mạnh việc thực hiện quyết đoán và kết quả hữu hình.
Cấu trúc văn kiện	Báo cáo chính trị truyền thống	Tích hợp báo cáo chính trị, báo cáo kinh tế - xã hội và Báo cáo tổng kết xây dựng Đảng; giới thiệu chương trình hành động như một thành phần cốt lõi.	Triển khai thực hiện ngay lập tức các ưu tiên chiến lược, với việc phân công trách nhiệm và phân bổ nguồn lực rõ ràng hơn sau Đại hội.
Mục tiêu tăng trưởng GDP	6,5-7%/năm (2021-2025)	≥ 10%/năm	Thể hiện cam kết chính trị mạnh mẽ đối với việc đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, đòi hỏi huy động toàn diện các nguồn lực trong và ngoài nước, đồng thời ưu tiên các động lực tăng trưởng mới.
GDP/đầu người	4.700-5.000USD vào năm 2025	Khoảng 8.500USD vào năm 2030	Quyết tâm rõ ràng để nhanh chóng vượt qua bẫy thu nhập trung bình và hướng tới vị thế nền kinh tế thu nhập cao.
Những đột phá chiến lược	Ba trụ cột: thể chế, nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng - ít chú trọng đến cải cách quản trị và số hóa.	Tập trung mạnh hơn vào cải cách thể chế, phân quyền sâu rộng và những đột phá trong khoa học, công nghệ và đổi mới.	Chuyển trọng tâm sang cải cách thể chế, phân quyền sâu rộng và những đột phá trong khoa học, công nghệ và đổi mới.
Mô hình tăng trưởng	Sự chuyển đổi diễn ra dần dần, vẫn phụ thuộc vào tích lũy vốn, khai thác tài nguyên và lao động giá rẻ.	Mô hình tăng trưởng mới dựa trên năng suất, khoa học & công nghệ, và đổi mới sáng tạo.	Tái cấu trúc nhằm hướng tới tăng trưởng dựa trên năng suất, đổi mới và nâng cao GTGT.
Vai trò của khối tư nhân	"Một động lực quan trọng"	"Động lực quan trọng nhất" của tăng trưởng	Tín hiệu chính trị rất mạnh mẽ đối với việc mở rộng khu vực tư nhân, mở đường cho các tập đoàn tư nhân quy mô lớn có khả năng cạnh tranh trong khu vực.
Môi trường	Bảo vệ môi trường, phát triển bền vững được đề cập mới chỉ ở nguyên tắc, còn ưu tiên nguồn lực vẫn tập trung vào thúc đẩy phát triển kinh tế.	Bảo vệ môi trường được đặt lên hàng đầu, song song với phát triển kinh tế và xã hội, như một nhiệm vụ trọng tâm.	Chuyển đổi sang tăng trưởng xanh, đẩy mạnh đầu tư ESG, phát triển năng lượng sạch và kinh tế tuần hoàn.
Cơ cấu hành chính	Tiếp tục tinh giản hệ thống chính trị-hành chính.	Tái cấu trúc triệt để; áp dụng hệ thống chính quyền địa phương hai cấp (tỉnh-xã), loại bỏ bộ máy hành chính cấp huyện.	Cắt giảm tầng nấc trung gian, tiết kiệm ngân sách và tăng cường phân quyền hướng tới nền quản trị hiện đại, lấy người dân làm trung tâm.
Công tác cán bộ	Đề cao trách nhiệm nêu gương và chống chạy chức, chạy quyền.	Xây dựng "Hệ thống chấm điểm năng lực cán bộ" trên nền tảng số; thực hiện nghiêm "có vào, có ra, có lên, có xuống".	Sự chuyển đổi cơ bản hướng tới quản trị dựa trên kết quả, các chỉ số hiệu quả và trách nhiệm.
Các thể chế kinh tế	Hoàn thiện dần các thể chế kinh tế thị trường; định hướng ban đầu hướng tới nền kinh tế số.	Chuyển mạnh từ phương thức "tiền kiểm" sang "hậu kiểm"; khung pháp lý cho trí tuệ nhân tạo, tài sản số, công nghệ tài chính.	Đơn giản hóa đáng kể các thủ tục hành chính, mở rộng không gian chính sách cho khu vực tư nhân và nền kinh tế số, tạo nền tảng cho tăng trưởng hai chữ số.
Cơ sở hạ tầng chiến lược	Tập trung vào cơ sở hạ tầng tích hợp, ưu tiên đường cao tốc Bắc-Nam và sân bay Long Thành (Giai đoạn 1).	Chuyển sang đột phá hạ tầng chiến lược cấp độ cao, ưu tiên tuyệt đối cho đường sắt cao tốc Bắc-Nam; đầu tư vào các lò phản ứng hạt nhân quy mô nhỏ (SMR)	Nâng cấp cấu trúc hạ tầng quốc gia để hỗ trợ các ngành công nghệ cao và sản xuất chiến lược.
Giáo dục & Ngôn ngữ	Tập trung đổi mới căn bản, toàn diện	Hướng đến nền giáo dục cạnh tranh toàn cầu, lấy trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học, công nghệ, kỹ thuật, STEAM và nhân tài công nghệ cốt lõi làm trọng tâm; tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai; và nâng cao trình độ kỹ thuật số trên toàn quốc.	Nâng cao đáng kể chất lượng nguồn nhân lực và khả năng cạnh tranh toàn cầu của lực lượng lao động Việt Nam.

Nguồn: Dự thảo văn kiện Đại hội Đảng lần thứ 13 và 14, HSC

Đại hội Đảng lần thứ 14 kết thúc thành công - các bước tiếp theo

Theo ông Lê Quang Mạnh, Tổng thư ký Quốc hội kiêm Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, phát biểu tại kỳ họp thứ 10 của Quốc hội khóa 15, kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khóa 16 dự kiến khai mạc vào sáng ngày 6/4/2026 (sớm hơn 3 tháng so với kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khóa 15 vào tháng 7/2021) và sẽ được tổ chức thành hai giai đoạn.

Giai đoạn 1, dự kiến diễn ra từ ngày 6-22/4/2026, chủ yếu tập trung vào các vấn đề tổ chức & nhân sự, theo thông lệ sẽ diễn ra trong 9 ngày đầu tiên. Tiếp theo là các phiên thảo luận toàn thể và thảo luận nhóm về các dự thảo luật được lựa chọn, tạo cơ sở để sửa đổi và hoàn thiện các đề xuất trong khoảng thời gian giữa hai giai đoạn.

Giai đoạn 2, dự kiến diễn ra từ ngày 11-21/5/2026, chủ yếu tập trung vào việc Quốc hội xem xét và thảo luận các vấn đề kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước và chương trình giám sát, tiếp theo là biểu quyết thông qua luật và nghị quyết. Trong khoảng 22 ngày làm việc, Quốc hội khóa 16 dự kiến sẽ xem xét ba nhóm nội dung chính trong chương trình nghị sự.

Thứ nhất, phiên họp sẽ bao gồm các bài phát biểu của lãnh đạo Đảng, báo cáo từ Hội đồng Bầu cử Quốc gia, và các vấn đề về tổ chức và nhân sự, trong đó dự kiến có bài phát biểu của Tổng Bí thư. Ngoài ra, Hội đồng Bầu cử Quốc gia sẽ trình bày báo cáo về kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa 16 và Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, cũng như việc chứng nhận tư cách đại biểu. Trên cơ sở các báo cáo này, Quốc hội sẽ thảo luận và quyết định các bổ nhiệm tổ chức và nhân sự quan trọng, trong đó chúng ta sẽ theo dõi sát sao hai vị trí chủ chốt: Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ.

Nhóm nội dung thứ hai trong chương trình liên quan đến công tác lập pháp, trong đó Quốc hội dự kiến sẽ xem xét và thông qua 13 dự thảo luật thuộc chương trình lập pháp năm 2026. Nhóm nội dung thứ ba bao gồm các vấn đề kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước, hoạt động giám sát và các vấn đề quan trọng khác của quốc gia (Biểu đồ 16).

Biểu đồ 16: Chương trình nghị sự dự kiến của Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XVI

Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XVI dự kiến khai mạc vào sáng ngày 6/4/2026 và được tổ chức thành hai đợt

Giai đoạn 1: từ 6/4 – 22/4/2026

Ưu tiên xem xét các vấn đề về tổ chức bộ máy và công tác nhân sự trong những ngày đầu của kỳ họp (khoảng 9 ngày), sau đó tiến hành các phiên thảo luận toàn thể và theo nhóm về một số dự án luật, làm cơ sở cho việc tiếp thu, chỉnh lý giữa hai đợt họp.

Giai đoạn 2: 11/5 – 21/5/2026

Tập trung xem xét các vấn đề kinh tế - xã hội, ngân sách Nhà nước và chương trình giám sát của Quốc hội; tiếp đó tiến hành biểu quyết thông qua các luật và nghị quyết.

Nguồn: HSC

Điều thú vị là Quốc hội khóa 15 (2021-2026) đã tổ chức [kỳ họp cuối cùng](#) (kỳ họp thứ 10) từ tháng 10-12/2025, trước Đại hội Đảng lần thứ 14 tổ chức vào tháng 1/2026. Ngược lại, dưới thời Quốc hội khóa 14 (2016-2021), kỳ họp cuối cùng được triệu tập từ tháng 3-4/2021 sau Đại hội Đảng lần thứ 13 tổ chức vào tháng 1/2021.

Điều này đánh dấu sự khác biệt so với thông lệ trước đây, khi kỳ họp cuối cùng của Quốc hội thường kéo dài đến những tháng đầu năm sau. Thay vào đó, Quốc hội khóa 15 đã kết thúc nhiệm kỳ trước Đại hội Đảng, phản ánh những cải cách đang diễn ra nhằm giảm thiểu sự chông chéo thể chế và tạo điều kiện cho sự chuyển giao lãnh đạo một cách đồng bộ, phù hợp với chu kỳ Đại hội Đảng. Một kỳ họp bất thường của Quốc hội khóa 15 dự kiến sẽ được triệu tập trước hoặc ngay sau Tết Nguyên đán để xem xét và đề xuất bổ nhiệm lãnh đạo chủ chốt cho nhiệm kỳ sắp tới.

Tổng kết

Nhìn chung, Đại hội Đảng khóa 14 đã để lại nhiều dấu ấn nổi bật. Bên cạnh việc xác định các mục tiêu và định hướng chính sách cho giai đoạn 2026-2030, Đại hội đã giải quyết các vấn đề chiến lược có tầm ảnh hưởng sâu rộng đến quỹ đạo phát triển của Việt Nam trong những thập kỷ tới. Đại hội hướng đến việc khơi dậy khát vọng phát triển quốc gia, cải thiện niềm tin và sự tự lực, huy động mọi nguồn lực và động lực tăng trưởng sẵn có, tận dụng sự đoàn kết dân tộc và sức mạnh của nhân dân cùng với các động lực toàn cầu thuận lợi.

Những nỗ lực này nhằm thúc đẩy quá trình đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, bảo vệ chủ quyền quốc gia và hiện thực hóa tầm nhìn xây dựng một quốc gia hùng mạnh và thịnh vượng, phù hợp với lý tưởng trường tồn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và khát vọng của người dân Việt Nam.

Đặc biệt, một trong những bước đột phá quan trọng nhất được Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh là nguyên tắc **“Lời hiệu triệu được thể chế hóa thành hành động”**. Khi Việt Nam bước vào giai đoạn cải cách mới - Đổi mới 2.0 - chúng tôi sẵn sàng đồng hành cùng đất nước trên chặng đường phát triển tiếp theo và theo sát những chuyển biến mang tính đột phá tiềm năng.

Bảng 17: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025E	2026F	2027F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,155	23,085	22,765	23,555	24,265	25,480	26,300	27,000	27,500
Tỷ giá (VND: CNY)	3,317	3,535	3,579	3,415	3,418	3,491	3,761	3,885	3,929
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	7.36	2.87	2.55	8.54	4.98	7.04	8.02	7.60	8.00
GDP (tỷ USD)	332	346	370	411	433	476	514	546	584
GDP bình quân đầu người (USD)	3,398	3,558	3,757	4,132	4,317	4,702	5,026	5,293	5,610
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	3.67	4.35	-2.20	-0.26	6.51	5.48	3.70	3.30	3.42
Nợ công/GDP (%)	42.8	43.8	44.7	37.4	36.9	37.0	36.8	37.2	38.5
Nợ Chính phủ/GDP (%)	37.4	38.5	39.6	34.7	33.3	33.0	33.2	34.0	35.6
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.09	2.71	2.55	3.08	2.85	3.47	3.60	4.23	5.02
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	106	115	124	125	133	136	145	149	154
FDI giải ngân / FDI (%)	6.1	5.8	5.3	5.4	5.4	5.3	5.4	5.4	5.3
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.15	2.37	3.56	2.32	2.26	2.22	2.22	2.60	2.50
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.6	3.3	3.9	4.0
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	5.2	0.2	1.8	4.5	3.6	2.9	3.5	4.1	4.3
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.00	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	1.4	0.2	0.7	4.4	0.5	4.0	1.8	4.0	4.0
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	13.6	12.2	13.6	14.2	13.8	15.1	19.0	15.0	15.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	10,574	12,111	13,402	14,227	15,999	17,915	20,781	23,586	26,770
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	14.8	14.5	10.7	6.2	12.5	12.0	16.0	13.5	13.5
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	79	95	107	85	90	81	83	85	90
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.8	5.6	5.5	7.4	4.8	4.6	5.2	5.5	5.8
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5.0	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	2.4	1.2	1.0	4.6	1.9	2.4	3.3	3.5	3.6
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	3.2	2.0	2.9	4.8	2.2	2.8	3.8	4.2	4.3
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	10.9	19.9	3.3	12.1	28.4	24.9	20.0	19.4	23.9
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	12.2	15.1	-8.1	-1.1	28.2	26.1	19.0	18.0	20.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	253	263	333	360	326	381	455	495	544
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	6.7	3.7	26.7	8.0	-9.2	16.7	19.4	8.7	10.0
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	264	283	336	372	355	406	475	514	568
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	8.0	6.9	18.9	10.6	-4.6	14.4	17.0	8.2	10.5
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	123	129	140	149	142	155	169	179	184
Nợ nước ngoài/GDP (%)	36.9	37.3	37.7	36.2	32.7	32.6	32.8	32.8	32.8
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	20.4	20.0	19.7	22.4	23.2	25.4	27.6	29.2	31.1
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	38.0	28.5	31.2	27.7	39.4	38.2	38.4	40.4	44.5
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	50.8	51.7	52.5	46.4	48.9	49.8	53.8	50.0	51.0
Chỉ số sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	6.2	9.5	8.7	0.2	5.8	8.8	10.1	7.0	7.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	7.0	13.1	10.9	0.6	7.6	10.2	10.9	7.5	8.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo hàng năm (%)	10.5	4.9	6.0	8.0	3.6	9.8	10.5	7.0	9.5
Doanh số bán lẻ danh nghĩa hàng năm (%)	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.4	9.0	9.2	11.0	12.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t-1) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t_0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP.HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn